

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 242/2020/DS-PT

Ngày: 05 - 11 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 255/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Kim X, sinh năm 1970 (có mặt);

Cư trú tại: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1987 (có mặt);

Cùng cư trú: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Văn Kim X – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Văn Kim X trình bày :

Bà X và bà Nguyễn Thị Kim K là chỗ quen biết, bà X có cho bà K vay tiền nhiều lần, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng, khi vay thỏa thuận miệng, sau đó đôi bên có chốt nợ lại, cụ thể:

Biên nhận ngày 20-9-2015, thể hiện nhận tiền 02 lần, một lần 100.000.000 đồng và một lần 45.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 15-4-2017 thể hiện vay số tiền 20.000.000 đồng.

Từ khi làm biên nhận đến nay bà K không có đóng lãi, mục đích vay là sửa chữa nhà và làm vốn để làm ăn, yêu cầu bà K trả nợ gốc 165.000.000 đồng, lãi suất yêu cầu trả 2,5%/tháng tính từ ngày vay cho đến nay theo từng biên nhận vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim K, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Trung H trình bày:

Năm 2011 bà K có vay tiền góp của bà X, vay số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày góp 600.000 đồng, góp 60 ngày là đủ gốc và lãi, do không có tiền đóng lãi nên mới có biên nhận nợ ngày 20-9-2015 là 100.000.000 đồng. Sau đó không có tiền đóng lãi nên làm biên nhận nhận nợ ngày 15-4-2017 số tiền 20.000.000 đồng, từ ngày làm biên nhận có đóng lãi đến 16-4-2020 thì ngưng đóng lãi.

Nay đồng ý trả số tiền gốc 120.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định Nhà nước. Đối với số tiền gốc 45.000.000 đồng ghi trong tờ biên nhận ngày 20-9-2015 không đồng ý thanh toán, vì bà X tự viết vào không phải chữ viết của bà K.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Kim X khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kim K về việc thanh toán tiền vay gốc và lãi.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm thanh toán cho bà Văn Kim X tổng số tiền nợ là 156.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng, nợ lãi 36.000.000 đồng.

Bác yêu cầu bà Văn Kim X đối với khoản nợ vay gốc là 45.000.000 đồng; bác yêu cầu trả lãi 2%/tháng, tổng số tiền lãi không được chấp nhận là 146.600.000 đồng. Tổng hai khoản tiền không được chấp nhận bị bác là 191.600.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25-8-2020 bà Văn Kim X kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện, một phần kháng cáo đối với số tiền nợ gốc Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà là 45.000.000 đồng. Đại diện cho bị đơn đồng ý với đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, kháng cáo nêu trên của bà X.

Đồng thời, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin miễn, giảm án phí theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Văn Kim X; sửa Bản án sơ thẩm về áp dụng lãi suất, theo hướng tính lãi suất toàn bộ theo thời gian ghi trong biên nhận vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định. Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện, kháng cáo đối với số tiền 45.000.000 đồng, bị đơn cũng chấp nhận, nên đề nghị hủy và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu này. Đối với án phí đề nghị xử lý theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Văn Kim X. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà X khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ gốc tiền vay 165.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 20-9-2015, nhận 100.000.000 đồng và ghi tay thêm 45.000.000 đồng); và 20.000.000 đồng (theo Biên nhận ngày 15-4-2017). Quá trình cho vay nguyên đơn xác định lãi suất cho vay 2,5%/tháng; bị đơn cho rằng lãi vay 20%/tháng (dạng tiền góp ngày). Tuy nhiên, về chứng cứ nhận lãi, đóng lãi, các bên đều không cung cấp được. Phía nguyên đơn thì xác định bị đơn chưa đóng lãi cho Nguyên đơn lần nào. Phía đại diện của bà K chỉ thừa nhận có nợ số tiền 120.000.000 đồng (không chấp nhận số tiền 45.000.000 đồng) và đồng ý thanh toán khoản nợ gốc 120.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là 120.000.000 đồng và áp dụng lãi suất 10%/năm từ 15-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm tròn 03 năm.

[3] Nay tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 45.000.000 đồng, được đại diện bị đơn đồng ý, nên cần xét hủy và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo còn lại, nguyên đơn đề nghị áp dụng lãi suất 20%/năm, từ thời gian cho vay lần đầu số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 20-9-2015 đến ngày 15-4-2017, sau đó nhập hai khoản vay là 120.000.000 đồng, tính lãi tiếp tục đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng từ khi vay lần đầu bị đơn không có thanh toán lãi cho nguyên đơn; đến khi vay lần 2 nguyên đơn cho bị đơn vay tiếp để bị đơn làm chi phí đi làm Giấy CNQSDĐ thế chấp Ngân hàng vay tiền trả lại cho nguyên đơn, nên nguyên đơn đồng ý cho vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, Bản án sơ thẩm xác định bị đơn đã đóng lãi

cho nguyên đơn đến ngày vay lần 2 (vào ngày 15-4-2017) là đầy đủ, nhưng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, Bản án sơ thẩm nhận định việc người vay có đóng lãi cho người cho vay, thì người cho vay mới cho vay tiếp, đây cũng tập quán trong giao dịch dân sự tại địa phương, từ đó án sơ thẩm cũng xác định khoản vay đầu bị đơn có đóng lãi. Xét thấy, đây là nhận định có tính suy luận là thiếu căn cứ, nên kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Từ đó, cần áp dụng lãi suất theo quy định chung của pháp luật là phù hợp.

[5] Về lãi suất, theo nguyên đơn và bị đơn xác định chưa thống nhất mức lãi, nguyên đơn thì xác định cho vay 2,5%/tháng; bị đơn thì cho rằng 20%/tháng. Cả hai mức lãi nêu trên đều cao hơn mức lãi pháp luật cho phép tại thời điểm cho vay. Theo quy định, vay trong thời gian điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2005 thì áp dụng không quá 13,5%/năm; theo Bộ luật dân sự 2015 không quá 20%/năm. Như vậy, cần căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì phải điều chỉnh lại lãi suất theo mức lãi như đã nêu cho phù hợp. Các khoản tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: Nợ gốc 120.000.000 đồng và nợ lãi. Về nợ lãi 100.000.000 đồng, từ ngày 20-9-2015 đến ngày 01-01-2017 (15 tháng 12 ngày), $\times 13,5\%/năm = 17.325.000$ đồng. Nợ lãi 100.000.000 đồng $\times 20\%/năm$, từ ngày 02-01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 42 tháng 11 ngày = 70.109.999 đồng. Nợ lãi 20.000.000 đồng $\times 20\%/năm$, từ 15-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (39 tháng 28 ngày) = 13.030.999 đồng. Đối với số lãi nguyên đơn không được chấp nhận áp dụng lãi suất 20%/năm (mà chỉ áp dụng 13,5%/năm) đối với khoản vay 100.000.000 đồng từ 20-9-2015 đến ngày 01/01/2017, số tiền lãi là 8.341.665 đồng. Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 220.465.998 đồng.

[6] Tại bản tường trình ngày 30-9-2020 (Bút lục số: 66), bị đơn trình bày việc nguyên đơn cho rằng bị đơn không đóng lãi từ ngày vay đầu tiên đến khi xét xử là hết thời hiệu khởi kiện, nên nguyên đơn chỉ có quyền đòi nợ gốc. Song, theo Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điều kiện áp dụng thời hiệu, các bên phải đưa ra yêu cầu trước khi ra Bản án sơ thẩm. Do cấp sơ thẩm các bên không đặt ra, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở áp dụng quy định này. Từ phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm về áp dụng lãi suất, thời gian tính lãi, án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn là bà Văn Kim X có đơn xin giảm án phí lý do gặp khó khăn, do thiên tai ảnh hưởng bão, nước ngập tràn nước tôm cá đi hết, không có khả năng nộp án phí 100%. Bị đơn cũng có đơn xin miễn án phí thuộc diện hộ nghèo. Xét thấy tại cấp phúc thẩm các đương sự mới nộp đơn xin miễn án phí (cấp sơ thẩm chưa có đơn), nên cần xem xét giảm 50% án phí cho nguyên đơn; xét miễn 100% án phí cho bị đơn theo quy định tại Điều 12, 13, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là phù hợp. Theo đó, nguyên đơn phải nộp số tiền 728.958 đồng, đã dự nộp số tiền 4.125.000 đồng theo biên lai số: 0007233 ngày 10-6-2020 tại Chi cục thi hành án

huyện Năm Căn được đối trừ và nhận lại số tiền 3.396.042 đồng. Bị đơn là bà K được xét miễn toàn bộ án sơ thẩm.

- *Án phí phúc thẩm:* Bà Văn Kim X không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309, 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 13, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Văn Kim X đối với bà Nguyễn Thị Kim K đòi số tiền 45.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Văn Kim X.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Văn Kim X khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kim K.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Thoa trả cho bà Văn Kim X số tiền vay gốc và lãi là 220.465.998 đồng (Hai trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày bà Văn Kim X có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà Nguyễn Thị Kim K chậm thanh toán tiền thì bà K còn phải trả lãi, mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả trên số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu áp dụng lãi suất 20%/năm (chỉ áp dụng 13,5%/năm) đối với khoản vay 100.000.000 đồng từ 20-9-2015 đến ngày 01-01-2017, số tiền lãi không chấp nhận là 8.341.665 đồng.

3. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Bà Văn Kim X phải chịu số tiền 728.958 đồng, ngày 10-6-2020 bà X đã dự nộp số tiền 4.125.000 đồng theo biên lai số: 0007233 tại Chi cục thi hành án huyện Năm Căn được đối trừ và được nhận lại số tiền 3.396.042 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim khoa được xét miễn toàn bộ án sơ thẩm.

- *Án phí phúc thẩm:* Bà Văn Kim X không phải chịu, ngày 27-8-2020 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0007346 tại Chi cục thi hành án huyện Năm Căn được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Quế – Đình Cẩm Đào

Huỳnh Văn Út